

TAND HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 66/2017/QĐST-HNGĐ

Ngày 20 tháng 9 năm 2017
V/v “ T/c hôn nhân và gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ngô Thanh Xuân; 2. Ông Giáp Đức Sơn.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 20/9/2017, tại trụ sở TAND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2017, về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXX-ST ngày 15/8/2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Giáp Thị D, sinh năm 1978 (*có mặt tại phiên tòa*).
Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (*vắng mặt tại phiên tòa*).
Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2017 và các lời khai tiếp sau nguyên đơn chị Giáp Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 29/6/2004, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lạng Giang theo quy định của pháp luật. Thời gian mấy năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Đến năm 2009 thì vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không hợp nhau; Mặt khác do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị phải đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Síp, trong thời gian chị ở nước ngoài thì anh T ở nhà không chịu làm ăn, mà thường xuyên đi chơi bởi rượu chè, sau đó đến nhà chửi bới mẹ chị, không quan tâm gì đến con và gia đình. Đến đầu năm 2017 chị về Việt Nam nhưng do không chịu được cách sống của anh T nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể đoàn tụ được, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 18/9/2004 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 15/5/2006; Hiện cả hai con đang ở cùng chị, các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con A và để anh Nguyễn Văn T nuôi con B; Tiền cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 14/6/2017 và các lời khai tiếp sau bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Giáp Thị D ngày 29/6/2004, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lạng Giang theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Đến năm 2009 do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị D đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa Síp, Đến đầu năm 2017 chị D về Việt Nam, nhưng không về nhà mà về nhà bố mẹ đẻ chị D ở, anh không hiểu nguyên nhân vì sao, anh đã nhiều lần gặp để bảo chị D về đoàn tụ nhưng chị D không về, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, nên anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, do đó nay chị D xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 18/9/2004 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 15/5/2006; Hiện cả hai con đang ở cùng với chị D; Nay nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con B và để chị D nuôi con A; Tiền cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định tại các Điều 48, 203 BLTTDS; Việc lấy lời khai của đương sự và xác minh đã làm rõ nội dung tranh chấp, nguyên nhân mâu thuẫn để làm căn cứ giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định tại các Điều 97, 98, 198 BLTTDS. Việc giao nhận tài liệu, chứng cứ của các đương sự đúng quy định tại Điều 96 BLTTDS; Tòa án thông báo tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng cho các đương sự và Viện kiểm sát đều đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự tại phiên tòa: HĐXX đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51, khoản 2 Điều 239 BLTTDS như phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo HĐXX danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Chị Giáp Thị D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71 BLTTDS; như nộp tiền tạm ứng án phí, cung cấp chính xác nơi cư trú và đầy đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Anh Nguyễn Văn T cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS, đã có lời khai trình bày quan điểm của mình, tuy nhiên anh T vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giáp Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị D nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Phương A và giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Nguyễn Đức B; Tiền cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Giáp Thị D phải chịu 300.000đồng án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào 300.000đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về đơn khởi kiện của chị Giáp Thị D và các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự, đã có lời khai trình bày quan điểm của mình; Tuy nhiên anh T đã được giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa hợp lệ, nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai (không có lý do) nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị D kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 29/6/2004, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện

Lạng Giang theo quy định của pháp luật; Do đó xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Đến năm 2009 thì vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, mặt khác do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị D phải đi lao động tại Cộng hòa Síp, trong thời gian chị đi nước ngoài thì anh T ở nhà không chịu làm ăn, mà thường xuyên đi chơi bờ rượu chè không quan tâm gì đến con và gia đình. Đến đầu năm 2017 chị D về Việt Nam nhưng không về nhà mà về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm và quan tâm gì đến nhau nữa.

HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ được nữa, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giáp Thị D đối với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng chị D anh T sinh được hai con chung là: Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 18/9/2004 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 15/5/2006; Nay chị D có nguyện vọng được nuôi cháu A và anh T có nguyện vọng được nuôi cháu B; đây cũng là nguyện vọng của cháu A và cháu B, nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị D và anh T; Tiền cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị D và anh T đều không yêu cầu phân chia nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị D nuôi Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 18/9/2004; giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi Nguyễn Đức B, sinh ngày 15/5/2006. Sau khi ly hôn chị Giáp Thị D và anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Giáp Thị D và anh Nguyễn Văn T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Giáp Thị D chịu 300.000đồng án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào 300.000đồng chị Giáp Thị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/000236 ngày 06/6/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Giáp Thị D đã thi hành xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Giáp Quang Huy